

Thứ năm, ngày 21 tháng 11 năm 2019

Vietnam Daily Review

Biến động phiên đáo hạn HĐTL

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 22/11/2019		•	
Tuần 18/11-22/11/2019			•
Tháng 11/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Đà giảm của VN-Index bắt đầu từ phiên sáng và mở rộng theo thời gian. Lực đỡ yếu ớt của PPC, KDH và DHG dường như là không đủ để nâng đỡ thị trường khi áp lực từ VCB, VNM, SAB, TCB, VHM là quá lớn. Như vậy, chỉ số đã lùi khá xa mốc tâm lý quan trọng và quay trở lại kênh tích lũy 985-1,000 điểm. Bên cạnh lực bán ròn mạnh của khối ngoại trên cả ba sàn, việc HĐTL VN30F1911 đáo hạn phiên hôm nay nhiều khả năng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nhóm VN30 và kéo theo đó là cả thị trường.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 930 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: • Trong phiên giao dịch ngày 21/11/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng. VHM tiếp tục điều chỉnh giảm sau khi lập đỉnh tại ngưỡng 100. Thanh khoản tăng đồng thuận với tín hiệu điều chỉnh bởi các chỉ báo động lượng. Vận động giảm ngắn hạn của VHM có thể tạo áp lực giảm giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt 0.5%. 11/19 danh mục Chủ đề có hiệu suất tốt hơn VNINDEX(-1.3%). Đặc biệt, danh mục **Cổ tức cao - Thanh khoản tốt** - có tính ổn định cao và tính phòng thủ tốt - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.5%**.

Phân tích kỹ thuật: VIC_Mô hình V-Đ-V (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PNJ, KDH, ANV, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **-12.67 điểm**, đóng cửa 987.89. HNX-Index **-0.17 điểm**, đóng cửa 104.74.
- Kéo chỉ số tăng: **PPC (+0.05); CII (+0.04); HVG (+0.03); DHG (+0.03); PME (+0.03)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-2.14); VNM (-1.01); SAB (-0.98); TCB (-0.89); VHM (-0.89)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,096 tỷ đồng**, **+16.7%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 11.74 điểm. Thị trường có 114 mã tăng, 76 mã tham chiếu và 193 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **329.93 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm KDH (257.38 tỷ), VIC (43.34 tỷ) và HPG (36.60 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **11.94 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

987.89

Giá trị: 4096.11 tỷ

-12.67 (-1.27%)

Khối ngoại (ròng): -329.93 tỷ

HNX-INDEX

104.74

Giá trị: 208.3 tỷ

-0.17 (-0.16%)

Khối ngoại (ròng): -11.94 tỷ

UPCOM-INDEX

56.57

Giá trị: 150.19 tỷ

-0.31 (-0.55%)

Khối ngoại (ròng): -2.6 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	56.7	-0.51%
Giá vàng	1,472	-0.01%
Tỷ giá USD/VND	23,196	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,695	-0.94%
Tỷ giá JPY/VND	21,381	0.10%
LS liên NH 1 tháng	3.0%	21.16%
LS TPCP 5 năm	2.5%	1.65%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	41.8	KDH	-254.8
ROS	28.7	VIC	-43.2
VNM	23.6	HPG	-36.7
HDG	21.0	VHM	-28.1
SMB	7.7	VCB	-20.7

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **11/19 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX** (-1.3%). Đặc biệt, danh mục **Cổ tức cao - Thanh khoản tốt** - có tính ổn định cao và tính phòng thủ tốt - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.5%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **11/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

- **4/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_ **Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_0.5%**

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.5%	1.4%	2.9%	-2.8%	-3.4%	19.8%	50.1%
Chiến tranh thương mại	-0.2%	-0.9%	-1.5%	-6.2%	-8.5%	-3.7%	10.1%
ĐDS & Khu công nghiệp	-0.3%	-0.2%	1.5%	1.0%	3.8%	11.6%	64.4%
Dầu khí	-0.4%	-0.4%	3.6%	-2.1%	-7.1%	5.0%	24.1%
Nước & Năng lượng	-0.4%	-0.5%	2.0%	-0.6%	-3.5%	15.6%	55.1%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.7%	-1.5%	1.0%	-3.8%	-7.2%	-9.0%	50.7%
Lãi suất giảm	-0.7%	-1.7%	-4.1%	-4.5%	-5.7%	0.8%	48.8%
Xây dựng	-1.2%	-1.8%	-4.6%	-5.3%	-9.7%	-6.2%	25.2%
Xây dựng & Vật liệu XD	-1.2%	-1.2%	-3.1%	-2.3%	-4.2%	-1.4%	-5.1%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-1.2%	-2.5%	-1.4%	2.9%	16.4%	32.3%	128.0%
FTSE Việt Nam	-1.2%	-2.5%	-0.1%	-0.4%	2.4%	18.0%	84.7%
Vật liệu Xây dựng	-1.3%	-0.5%	-1.4%	-0.3%	2.4%	8.4%	5.5%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-1.4%	-2.7%	-0.5%	-1.7%	-0.8%	12.6%	78.9%
Ngân hàng	-1.4%	-2.9%	-0.2%	6.6%	14.6%	16.8%	88.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	-1.5%	-2.6%	-3.1%	1.0%	9.4%	14.6%	75.1%
Hàng tiêu dùng	-1.6%	-4.6%	-6.6%	-5.7%	0.2%	6.7%	49.5%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-1.7%	-2.7%	-1.8%	-0.4%	7.4%	18.8%	86.8%
Top 10 cổ phiếu VN30	-1.7%	-2.9%	-3.0%	-1.0%	3.9%	9.1%	69.3%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-2.0%	-3.2%	-1.4%	4.2%	6.1%	7.1%	42.0%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 5	-0.4%	-0.9%	0.6%	-1.8%	-0.4%	21.9%	73.9%
Danh mục 18	-0.4%	-1.0%	1.7%	-0.3%	-2.6%	7.3%	122.5%
Danh mục 14	-0.7%	-0.7%	-1.0%	1.8%	7.6%	10.8%	52.9%
Danh mục 4	-1.7%	-1.5%	-2.2%	1.8%	10.9%	16.7%	38.1%
Danh mục 15	-1.8%	-2.5%	-4.0%	-3.1%	4.2%	8.3%	61.0%

* Note **11/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 24	-1.0%	-2.0%	-1.7%	-2.7%	6.6%	35.8%	96.2%
Danh mục 21	-1.0%	-1.3%	-0.8%	2.0%	9.6%	19.4%	69.1%
Danh mục 20	-1.1%	-1.5%	-1.0%	0.7%	9.7%	19.6%	56.5%
Danh mục 25	-1.6%	-0.9%	-2.1%	-5.0%	8.9%	41.5%	150.5%
Danh mục 23	-1.7%	0.0%	-0.3%	-3.6%	0.6%	37.7%	121.8%

* Note **4/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

INDEX							
VNINDEX	-1.3%	-2.4%	0.0%	-0.5%	1.6%	10.0%	45.7%
VN30INDEX	-2.0%	-3.3%	-2.3%	-0.3%	1.5%	3.3%	39.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

11/21/2019

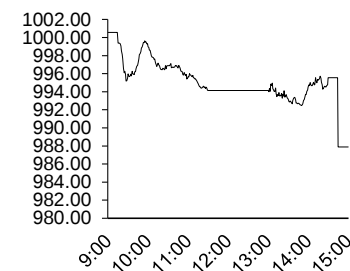
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

kanhvuq@bsc.com.vn

Hình 1

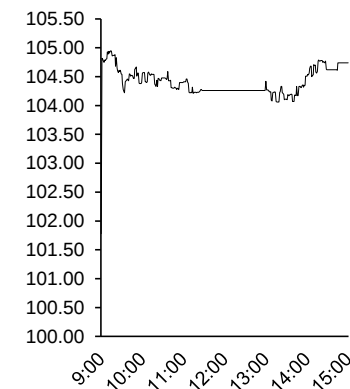
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bán lẻ	-2.8%
Ngân hàng	-1.9%
Thực phẩm và đồ uống	-1.8%
Bảo hiểm	-1.7%
Ô tô và phụ tùng	-1.7%
Tài nguyên Cơ bản	-1.3%
Công nghệ Thông tin	-1.2%
Hóa chất	-1.1%
Truyền thông	-0.8%
Xây dựng và Vật liệu	-0.8%
Bất động sản	-0.7%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.7%
Dịch vụ tài chính	-0.6%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.5%
Du lịch và Giải trí	-0.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.4%
Y tế	-0.1%
Dầu khí	-0.1%
Viễn thông	6.6%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

VIC_Mô hình V-Đ-V

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Giảm giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD nằm dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: giảm dần và chưa đi vào vùng quá bán.
- Đường MA: EMA12 ở dưới EMA26.

Nhận định: VIC đang trong quá trình giảm giá sau khi không thể vượt khỏi ngưỡng kháng cự tại vùng giá 122. Thanh khoản cổ phiếu trong phiên hôm nay tăng mạnh đẩy giá cổ phiếu xuyên thủng mức hỗ trợ tại ngưỡng 116, chính thức xác lập mô hình vai đầu vai, đồng thời góp phần không nhỏ khiến VNIndex giảm khá sâu. Các chỉ báo xu hướng đều đồng thuận với trạng thái tiêu cực của VIC. Chỉ báo động lượng RSI chưa đi vào vùng quá bán cho thấy dư địa giảm vẫn còn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của cổ phiếu nằm tại vùng giá 110. Tuy vậy, theo đánh giá của chúng tôi, VIC có thể điều chỉnh sâu hơn về khu vực xung quanh 106 theo mô hình vai đầu vai.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

ANV_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 21/11/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 21/11	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	56.90	-0.48%	0.07%	5.15%	5.52%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	62.18	-0.33%	-0.20%	4.23%	-0.60%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.65	3.39%	1.06%	2.90%	9.48%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1477.52	0.07%	0.52%	-0.72%	20.40%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.20	0.09%	1.35%	-2.18%	18.58%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	903.32	-0.77%	0.09%	-3.21%	2.30%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	515.49	0.43%	1.28%	-1.53%	3.36%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.34	0.10%	0.74%	9.00%	40.47%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	164.00	1.17%	0.68%	10.14%	23.12%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.72	0.24%	-0.78%	3.91%	0.55%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.36	0.00%	-1.47%	3.70%	15.86%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	109.75	6.86%	1.62%	13.86%	-0.54%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.64	-0.47%	0.15%	0.21%	-5.51%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3831.00	3.43%	8.25%	11.24%	-4.30%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1731.00	-0.40%	-2.64%	0.12%	-11.39%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	84.00	1.20%	8.39%	-1.75%	14.29%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	73.02	0.54%	4.27%	5.26%	-25.30%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, giá dầu thô Brent kỳ hạn tăng 1.49 USD, tương đương 2.5% lên mức 62.40 USD/thùng. Giá dầu WTI đạt 57.11 USD/thùng, tăng 1.90 USD, tương đương 3.4%.
- Giá dầu thô tăng hơn 3% sau báo cáo tồn trữ dầu thô tại Mỹ thấp hơn dự kiến. Cơ quan Thông tin Năng lượng cho biết tồn trữ dầu thô tại Mỹ thực tế chỉ tăng 1.4 triệu thùng trong tuần trước. Nga sẽ tiếp tục hợp tác với OPEC để giữ cho thị trường dầu toàn cầu cân bằng.

Giá vàng

- Chốt phiên, giá vàng giao ngay hầu như không thay đổi ở mức 1,471.90 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 12/2019 tại Mỹ ổn định ở mức 1,474.20 USD/ounce.
- Giá vàng ổn định trong bối cảnh Fed thông báo giữ nguyên lãi suất trong phút cuối cuộc họp tháng 10 của họ và Mỹ- Trung vẫn chưa đạt được thỏa thuận thương mại nào. Tổng thống Donald Trump một lần nữa lại đe dọa đánh thuế đối với hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc.
- Dự luật Nhân quyền và dân chủ Hong Kong đã được Thượng viện Mỹ thông qua với số phiếu đồng ý gần như tuyệt đối. Động thái này đang thổi bùng thêm cuộc khẩu chiến giữa Washington và Bắc Kinh. Trung Quốc yêu cầu Mỹ dừng can thiệp vào công việc nội bộ của họ và đe dọa sẽ trả đũa. Trong khi Mỹ đe dọa sẽ không hoàn tất thỏa thuận thương mại với Trung Quốc nếu các vấn đề về nhân quyền không được giải quyết hợp lý.

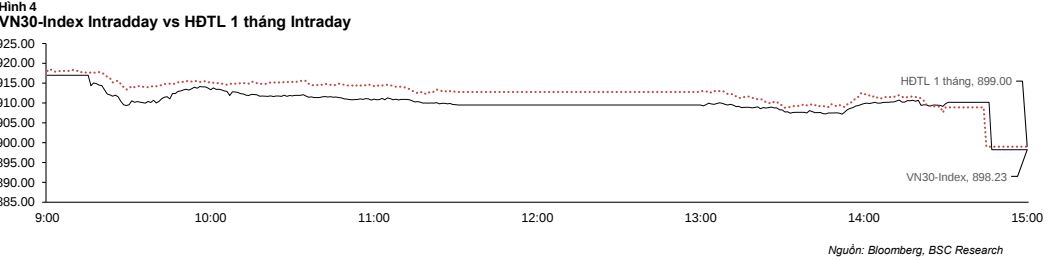
Giá quặng sắt

- Giá quặng sắt tại Sở giao dịch hàng hóa Đại Liên, kỳ hạn tháng 1/2020, tăng 0.2% lên 633 CNY/ tấn. Giá thép kỳ hạn tháng 1/2020 trên Sàn Thương Hải đã tăng 2.8% lên tới 3,691 CNY/tấn. Giá thép cuộn dây cán nóng tại Sàn Thương Hải tăng 1.2% lên 3,529 CNY/tấn.
- Giá quặng sắt và thép kỳ hạn tại Trung Quốc tiếp tục tăng cao do các biện pháp chống ô nhiễm mới đe dọa giảm sản xuất tại các nhà máy. Những nỗ lực của chính phủ nhằm củng cố nền kinh tế của đất nước như giảm lãi suất cho vay cũng hỗ trợ giá thép.

Giá cao su

- Tại Tocom, giá cao su kỳ hạn tháng 4/2020 giảm 1 JPY, tương đương 0.6%, xuống còn 181.6 JPY/kg. Giá cao su kỳ giảm khỏi mức cao 3.5 tháng đạt được trong phiên trước đó, do các nhà đầu tư bán chốt lời và lo ngại về các cuộc đàm phán thương mại Mỹ-Trung khiến các nhà đầu tư thận trọng. Tại Thương Hải, giá cao su tăng 0.2% đạt 12,110 CNY(1,724 USD)/tấn.
- Trung Quốc sẽ tăng cường hỗ trợ tín dụng cho nền kinh tế và hạ lãi suất cho vay thực tế xuống thấp hơn để thúc đẩy tăng trưởng vốn đã chậm lại, thông đốc ngân hàng trung ương Yi Gang cho biết vào thứ Ba.
- Xuất khẩu của Nhật Bản sụt giảm với tốc độ nhanh nhất trong ba năm vào tháng 10, đe dọa đẩy nền kinh tế vốn phụ thuộc vào thương mại vào suy thoái do nhu cầu suy yếu từ Mỹ và Trung Quốc làm lu mờ đi triển vọng.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1911	899.00	-2.39%	0.77	9.1%	60441	11/21/2019	0
VN30F1912	914.00	-1.24%	15.77	187.5%	16847	12/19/2019	28
VN30F2003	918.30	-1.57%	20.07	-67.5%	63	3/19/2020	119
VN30F2006	920.00	-1.50%	21.77	-17.9%	96	6/18/2020	210

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm mạnh -18.77 điểm xuống mức 898.23 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VPB, EIB, MWG, và VNM tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. Trong phiên sáng, VN30 giảm mạnh xuống quanh 910 điểm. Sang phiên chiều, VN30 tích lũy quanh vùng giá 908-910 điểm, trước khi giảm mạnh vào phiên ATC. Hợp đồng tương lai VN30F1911 đáo hạn hôm nay, song hành cùng biến động mạnh của VN30. Thanh khoản tăng mạnh cùng các chỉ báo động lượng cho thấy VN30 có thể tiếp tục điều chỉnh giảm xuống ngưỡng 895 điểm trong những phiên tới.
- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F1912 và VN30F2006 đang tăng, trong khi VN30F2003 đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2003, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động hồi phục trong ngắn hạn và cả dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 930 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CPNJ1902	MBS	1/22/2020	62	5:1	73,000	-47.2%	1.5 triệu	21.69%	2,220	2,300	27.78%	1,219.70	1.89
CVHM1902	SSI	4/22/2020	153	1:1	23,060	114.1%	1.0 triệu	23.42%	18,600	21,000	5.00%	14,226.70	1.48
CFPT1906	HSC	4/8/2020	139	5:1	199,100	107.4%	5.0 triệu	20.97%	1,700	1,520	-0.65%	670.50	2.27
CMBB1905	HSC	4/8/2020	139	2:1	238,720	-19.0%	5.0 triệu	16.54%	1,700	1,440	-0.69%	478.40	3.01
CDPM1901	KIS	1/9/2020	49	1:1	177,260	17.2%	1.5 triệu	26.42%	1,900	1,330	-1.48%	445.20	2.99
CMBB1903	SSI	4/22/2020	153	1:1	55,490	56.8%	3.0 triệu	16.54%	4,000	3,300	-2.94%	1,587.60	2.08
CHPG1908	MBS	1/22/2020	62	2:1	125,910	-70.0%	2.0 triệu	25.45%	1,450	1,560	-3.11%	1,143.70	1.36
CFPT1907	VND	1/9/2020	49	2:1	64,240	-13.7%	2.0 triệu	20.97%	4,200	2,600	-3.70%	2,256.80	1.15
CVJC1902	SSI	4/22/2020	153	1:1	57,720	141.4%	1.0 triệu	14.39%	27,900	28,650	-3.99%	17,970.70	1.59
CVNM1903	SSI	4/22/2020	153	1:1	17,380	19.0%	1.0 triệu	17.98%	26,600	20,120	-4.19%	9,450.90	2.13
CFPT1905	SSI	4/22/2020	153	1:1	42,400	-11.4%	1.0 triệu	20.97%	9,900	7,900	-5.50%	4,669.30	1.69
CMWG1903	HSC	12/30/2019	39	5:1	117,250	6.9%	2.0 triệu	20.86%	2,700	4,400	-6.38%	4,509.00	0.98
CFPT1903	SSI	12/30/2019	39	1:1	101,180	147.1%	2.0 triệu	20.97%	6,000	11,700	-6.40%	11,899.70	0.98
CVIC1902	SSI	4/22/2020	153	1:1	11,760	-17.9%	1.0 triệu	17.36%	22,700	16,760	-6.84%	7,073.10	2.37
CVRE1902	HSC	4/8/2020	139	4:1	147,690	42.4%	5.0 triệu	24.03%	1,300	1,580	-7.06%	1,060.80	1.49
CMBB1902	HSC	12/17/2019	26	1:1	328,760	1062.9%	1.0 triệu	16.54%	3,200	2,930	-7.57%	1,021.60	2.87
CVNM1904	HSC	4/8/2020	139	10:1	133,190	781.5%	5.0 triệu	17.98%	1,900	1,200	-7.69%	298.80	4.02
CMWG1905	VCSC	12/9/2019	18	5:1	53,120	-43.2%	1.5 triệu	20.86%	5,600	4,220	-9.25%	4,666.40	0.90
CMWG1904	SSI	12/30/2019	39	1:1	218,620	945.5%	1.0 triệu	20.86%	14,000	25,000	-10.49%	27,567.40	0.91
CMWG1907	HSC	4/8/2020	139	10:1	261,160	127.5%	5.0 triệu	20.86%	1,900	1,200	-11.11%	376.00	3.19
CMWG1902	VND	12/11/2019	20	4:1	254,510	5697.5%	2.4 triệu	20.86%	2,990	5,910	-16.29%	6,836.40	0.86
CHPG1905	SSI	12/30/2019	39	1:1	177,240	-26.1%	1.0 triệu	25.45%	3,300	740	-17.78%	507.20	1.46
CVNM1901	KIS	12/13/2020	388	10:1	427,800	-57.0%	5.0 triệu	17.98%	1,200	70	-30.00%	0.01	7,000.00
Tổng:					3,306,560		43.40 triệu	20.43%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phí rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 21/11/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng.
- Về giá, CVNM1901 và CHPG1905 giảm mạnh nhất lần lượt là -30.00% và -17.78% . Trái lại, CPNJ1902 tăng mạnh nhất 27.78%. Thanh khoản thị trường tăng 28.77%. CVNM1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.22% thị trường.

Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là VHM và VJC, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CVJC1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. VHM tiếp tục điều chỉnh giảm sau khi lập đỉnh tại ngưỡng 100. Thanh khoản tăng đồng thuận với tín hiệu điều chỉnh bởi các chỉ báo động lượng. Vận động giảm ngắn hạn của VHM có thể tạo áp lực giảm giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
CTG	21.30	0.00	0.00
SBT	18.60	-0.53	-0.04
BID	41.20	-0.84	-0.08
VRE	35.00	-0.43	-0.10
GMD	24.50	-1.21	-0.11

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	23.5	-3.69	-2.83
VPB	20.0	-4.31	-2.10
EIB	16.8	-6.94	-1.81
MWG	113.5	-3.07	-1.43
VNM	122.0	-1.61	-1.39

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPNJ1902	90,100	79,000	82,500
CVHM1902	103,600	85,000	95,300
CFPT1906	65,500	57,000	56,000
CMBB1905	26,400	23,000	22,400
CDPM1901	15,888	13,988	13,050
CMBB1903	26,000	22,000	22,400
CHPG1908	23,400	20,500	22,000
CFPT1907	61,400	53,000	56,000
CVJC1902	157,900	130,000	143,400
CVNM1903	146,600	120,000	122,000
CFPT1905	64,900	55,000	56,000
CMWG1903	25,800	95,000	113,500
CFPT1903	51,140	45,140	56,000
CVIC1902	137,700	115,000	115,300
CVRE1902	37,700	32,500	35,000
CMBB1902	26,300	21,800	22,400
CVNM1904	152,000	133,000	122,000
CMWG1905	122,000	94,000	113,500
CMWG1904	165,000	90,000	113,500
CMWG1907	144,000	125,000	113,500
CMWG1902	48,130	90,000	113,500
CHPG1905	93,300	23,100	22,000
CVNM1901	46,340	156,285	122,000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	113.5	-3.1%	0.7	2,185	6.0	8,321	13.6	4.5	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	82.5	-1.1%	0.9	798	2.5	4,839	17.0	4.5	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	70.5	-2.2%	1.3	2,148	0.6	1,889	37.3	3.2	25.4%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	31.8	-0.3%	0.7	320	0.0	2,801	11.4	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	115.3	-0.6%	1.0	16,773	7.8	1,589	72.5	4.9	15.1%	7.8%
VRE	Bất động sản	35.0	-0.4%	1.1	3,544	6.3	1,033	33.9	2.9	32.4%	8.8%
NVL	Bất động sản	57.0	-2.4%	0.8	2,306	2.3	3,187	17.9	2.6	7.3%	15.5%
REE	Bất động sản	37.3	-1.2%	1.0	502	1.7	5,614	6.6	1.2	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	15.6	-0.6%	1.4	358	0.9	3,215	4.9	0.9	45.9%	25.9%
SSI	Chứng khoán	20.4	-2.4%	1.4	451	1.9	1,769	11.5	1.1	56.4%	9.4%
VCI	Chứng khoán	33.5	-1.5%	1.0	239	0.1	5,067	6.6	1.5	37.8%	24.7%
HCM	Chứng khoán	24.8	0.8%	1.4	329	1.2	1,287	19.3	1.8	57.8%	10.2%
FPT	Công nghệ	56.0	-1.4%	0.8	1,651	8.1	4,688	11.9	2.8	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	45.0	0.0%	0.4	487	0.0	4,156	10.8	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	104.1	-0.9%	1.6	8,663	1.8	5,886	17.7	4.4	3.7%	26.1%
PLX	Dầu khí	59.7	0.0%	1.5	3,091	0.3	3,467	17.2	3.2	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	18.4	-0.5%	1.7	382	1.4	2,062	8.9	0.7	22.3%	8.5%
BSR	Dầu khí	10.0	-1.0%	0.8	1,348	0.5	1,163	8.6	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	94.0	1.0%	0.5	534	0.0	4,535	20.7	3.9	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	13.1	-4.7%	0.7	222	0.2	650	20.1	0.7	19.2%	3.7%
DCM	Hóa chất	7.0	-0.3%	0.6	160	0.0	625	11.1	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	87.5	-2.2%	1.3	14,110	3.8	5,274	16.6	4.0	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	41.2	-0.8%	1.5	7,205	1.1	2,109	19.5	2.5	3.5%	13.5%
CTG	Ngân hàng	21.3	0.0%	1.6	3,448	4.4	1,641	13.0	1.1	29.2%	8.5%
VPB	Ngân hàng	20.0	-4.3%	1.2	2,093	3.3	3,341	6.0	1.2	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	22.4	-0.9%	1.1	2,265	6.1	3,261	6.9	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	24.0	0.4%	1.1	1,729	1.8	3,585	6.7	1.5	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	53.9	-0.9%	0.8	192	0.2	5,073	10.6	1.7	80.3%	16.5%
NTP	Nhựa	32.5	1.9%	0.3	139	0.0	4,603	7.1	1.2	18.8%	17.8%
MSR	Tài nguyên	15.0	-1.3%	1.2	645	0.0	732	20.5	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.0	-1.8%	1.0	2,641	7.2	2,526	8.7	1.3	37.7%	17.4%
HSG	Thép	8.2	1.0%	1.6	151	1.4	890	9.2	0.6	17.2%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	122.0	-1.6%	0.7	9,237	7.4	5,527	22.1	7.8	58.6%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	241.0	-2.2%	0.8	6,720	0.9	7,365	32.7	8.6	63.4%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	71.5	-2.9%	1.2	3,634	2.6	4,512	15.8	2.5	39.9%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.6	-0.5%	0.6	474	1.3	440	42.3	1.5	6.2%	3.5%
ACV	Vận tải	76.0	-0.1%	0.8	7,194	0.0	2,630	28.9	5.4	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	143.4	-1.0%	1.1	3,266	3.8	9,850	14.6	5.5	19.7%	43.3%
HVN	Vận tải	34.8	0.0%	1.7	2,146	0.3	1,747	19.9	2.7	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	24.5	-1.2%	0.8	316	0.5	1,949	12.6	1.2	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	17.7	-0.3%	0.6	217	0.6	2,571	6.9	1.2	31.8%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	86.9	-0.1%	0.9	605	0.3	8,338	10.4	4.4	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.6	0.3%	0.8	363	0.2	1,398	13.3	1.3	13.5%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.1	-6.0%	0.8	234	0.4	1,912	7.4	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	68.0	-4.1%	0.7	226	0.3	9,842	6.9	0.6	48.0%	9.3%
VCG	Xây dựng	27.3	0.0%	1.1	524	0.6	1,557	17.5	1.8	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	24.8	2.1%	0.5	267	0.4	1,845	13.4	1.1	51.4%	8.8%
POW	Điện	13.7	0.0%	0.6	1,395	0.7	820	16.7	1.3	13.9%	7.8%
NT2	Điện	22.7	-1.3%	0.6	284	1.0	2,721	8.3	1.6	19.2%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PPC	28.00	1.82	0.05	686270.00
CII	24.80	2.06	0.04	386380.00
DHG	94.00	0.97	0.04	9890.00
HVG	7.82	6.98	0.03	4.03MLN
PME	54.50	2.83	0.03	4790.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	24.00	0.42	0.17	1.78MLN
VC3	17.60	2.33	0.03	243600.00
NET	32.50	6.21	0.02	4500.00
NTP	32.50	1.88	0.02	7700.00
HTC	31.10	9.89	0.02	100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	87.50	-2.23	-2.18	1.00MLN
VNM	122.00	-1.61	-1.03	1.40MLN
SAB	241.00	-2.15	-1.00	85540.00
TCB	23.50	-3.69	-0.93	4.05MLN
VHM	95.30	-0.94	-0.89	3.20MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	6.50	-1.52	-0.11	2.11MLN
MBG	34.30	-9.97	-0.08	152000.00
NVB	9.00	-1.10	-0.04	1.63MLN
PGS	30.90	-2.52	-0.03	2200.00
PVS	18.40	-0.54	-0.03	1.68MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NAV	10.70	7.00	0.00	8080.00
HVG	7.82	6.98	0.03	4.03MLN
DXV	4.46	6.95	0.00	89600.00
VAF	10.35	6.92	0.01	11030.00
SMA	13.40	6.77	0.01	20400.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DST	1.00	11.1	0.00	700000.00
KMT	9.90	10.0	0.00	100.00
VIG	1.10	10.0	0.00	118700.00
HTC	31.10	9.9	0.02	100.00
L35	9.00	9.8	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BTT	37.20	-7.00	-0.01	10.00
MCG	2.00	-6.98	0.00	177260.00
ST8	19.35	-6.97	-0.01	240.00
PDN	64.20	-6.96	-0.03	440.00
EIB	16.75	-6.94	-0.45	493130.00

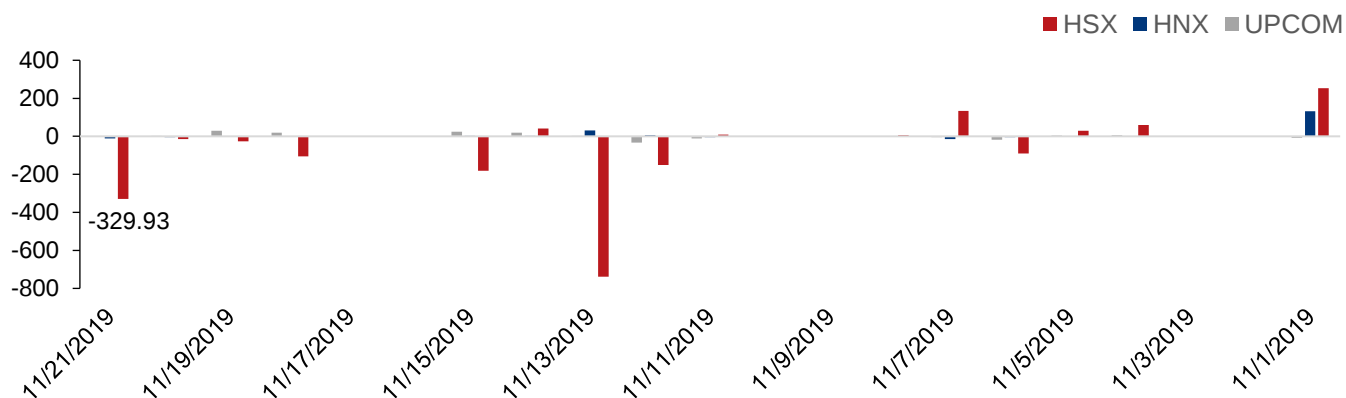
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.40	-20.00	-0.01	14600.00
BXH	15.30	-10.00	0.00	11000.00
DNC	29.70	-10.00	0.00	100.00
HBE	10.80	-10.00	0.00	43400.00
MBG	34.30	-9.97	-0.08	152000.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
11	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
12	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
13	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
18	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	34.8	9,530	3.6	1.8	Click
2	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	56.0	4,688	11.9	2.8	Click
3	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	26.0	3,491	7.4	1.2	Click
4	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	18.9	2,246	8.4	0.9	Click
5	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	39.5	3,678	10.7	0.8	Click
6	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	71.5	4,512	15.8	2.5	Click
7	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	122.0	5,527	22.1	7.8	Click
8	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.3	2,887	7.7	1.5	Click
9	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	37.3	5,614	6.6	1.2	Click
10	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	78.5	14,958	5.2	1.5	Click
11	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.8	2,279	3.9	0.6	Click
12	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	24.0	3,585	6.7	1.5	Click
13	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.5	1,079	12.5	1.1	Click
14	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	87.5	5,274	16.6	4.0	Click
15	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.1	1,723	13.4	1.7	Click
16	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	22.4	3,261	6.9	1.3	Click
17	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	59.8	2,801	21.3	3.5	Click
18	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	24.5	1,949	12.6	1.2	Click
19	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	26.2	3,391	7.7	1.8	Click
20	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	56.0	4,688	11.9	2.8	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express STK 2019Q4	28/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 21873; Giá tại Publish 19350 Lũy kế 9 tháng, STK đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt 1,653.4 tỷ đồng (-7.2% YoY) và 161.1 tỷ đồng (+22.8% YoY) qua đó hoàn thành lần lượt 63.5% KHDT và 80.7% KHLNST. Riêng Quý 3, doanh thu thuần chỉ đạt 554.2 tỷ (-5.9% YoY) do thị trường các mặt hàng truyền thống sợi nguyên sinh tiêu thụ chậm lại làm sản lượng sợi virgin giảm -12.2% trong 9T19 và giá bán sợi nguyên sinh giảm khiến doanh thu bán sợi virgin giảm 24.1%, nguyên nhân do tác động bán phá giá từ Trung Quốc sang Việt Nam. Nếu Mỹ tiếp tục áp thuế 15% lên 160 tỷ USD hàng Trung Quốc vào 15/12 này thì khả năng giá sợi sẽ tiếp tục khó khăn.
Express SBT 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 18700 Kết thúc niên độ 2018-2019 (18-19) , SBT đạt KQKD tiếp tục suy giảm do tình hình khó khăn chung của ngành đường. DTT và LNST đạt lần lượt là 10,857 tỷ đồng (+5.5% YoY) và 259.3 tỷ đồng (-52% YoY), tương đương EPS đạt 437 VND/CP, qua đó SBT chỉ hoàn thành được 94% kế hoạch doanh thu và 62% kế hoạch LNTT. Tổng sản lượng tiêu thụ đường tăng trưởng tốt đạt 749,000 tấn (+31% YoY) tuy nhiên sản lượng mía ép chỉ đạt 2,761 ngàn tấn (-26% YoY) khiến cho sản lượng đường sản xuất giảm còn 542 ngàn tấn (-10% YoY), nguyên nhân chủ yếu là do tình hình biến đổi khí hậu chịu ảnh hưởng bởi El Nino với nắng hạn kéo dài.
Express HT1 2019Q4	22/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 18200; Giá tại Publish 16000 Doanh thu thuần 9T2019 đạt 6,553 tỷ (+8.1% YoY), hoàn thành 73.4% kế hoạch năm nhờ: (1) Sản lượng 9T đạt 5.4 triệu tấn (+9.7% YoY); (2) Giá bán bình quân giảm do năm 2019 tỷ trọng tiêu thụ xi măng rời của HT1 tăng từ 27% (2018) lên khoảng 33% trong 2019. Tuy nhiên, HT1 cho biết trong Q3 công ty đã tiến hành rà soát lại giá bán, điều chỉnh tăng với những vùng có giá bán thấp bất hợp lý. Biến LNG trong 9T2019 tăng từ 16.4% cùng kỳ lên 17.1%, chúng tôi cho rằng biến LNG được cải thiện 1 phần nhờ hỗ trợ bởi giá than (khoảng 30% giá vốn) giảm khoảng 50,000 đồng/tấn (tương đương giảm 1.5-2%). Giá than công ty nhập trong T10 vẫn đang trong xu hướng giảm sẽ hỗ trợ biến LN trong Q4/2019.
Express PHR 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 59300 KQKD 9 tháng: DT đạt 685 tỷ đồng (+3% yoy) và LNST đạt 429 tỷ đồng (+23.4% yoy) đến chủ yếu từ doanh thu mủ cao su đạt đến từ sản lượng 20,281.6 tấn (+4.6% yoy) với giá bán bình quân lũy kế 33.5 triệu đồng/tấn (-1.7% yoy), giá bán bình quân tháng 9 đạt 32.3 triệu đồng, cho thấy mức giá cao su vẫn chưa phục hồi. So với kế hoạch đặt ra đạt 68% lợi nhuận sau thuế. Lũy kế thu mua 9 tháng, sản lượng thu mua giảm đạt 8,709 tấn (-12.5% yoy) giúp cải thiện biên lợi nhuận từ mức 6.6% lên 8.1% do mảng thu mua gần như không có lãi.
Express DRC 2019Q4	15/10/2019	KKhuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 28381; Giá tại Publish 24450 Doanh thu quý 3 đạt 1,013 tỷ đồng (+8.3% yoy), LNST đạt 82 tỷ (gấp 2.65 lần cùng kỳ), biến LNG cải mức 11.8% lên 13%. Doanh nghiệp duy trì chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp ở mức ổn định chiếm khoảng 4.4% doanh thu. Tỷ lệ giảm trừ doanh thu chiết khấu giảm từ 5.1% xuống còn 4.2%. Kết quả 9T2019 tương ứng hoàn thành 77% và 135% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2019.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn